



## BẢN TIN PHÁP LUẬT

Số 39 – Tháng 4 Năm 2026 – Capable Counsel

### I. Lĩnh vực Hành chính

#### 1.1. Quyết định 333/QĐ-BHXH của Bảo hiểm xã hội Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế làm việc của Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định 3033/QĐ-BHXH ngày 15/10/2025 ban hành ngày 01 tháng 4 năm 2026

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế làm việc của Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 3033/QĐ-BHXH ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 12 Điều 6

“12. Lãnh đạo, chỉ đạo viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định, quy chế của Bộ Tài chính và Bảo hiểm xã hội Việt Nam, các chủ trương, chính sách của cấp ủy, chính quyền trên địa bàn được giao quản lý.

Thực hiện phân công công tác trong tập thể lãnh đạo cho phù hợp lĩnh vực công tác của đơn vị. Đối với các đơn vị chuyên môn, giúp việc Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, thủ trưởng đơn vị trực tiếp phân công nhiệm vụ đến từng viên chức, người lao động, đảm bảo nguyên tắc: “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả”.

2. Bỏ các từ, cụm từ liên quan đến mô hình cấp Tổ thuộc đơn vị gồm: “Tổ”, “Tổ trưởng”, “Phó Tổ trưởng” của Điều 9, Điều 10, Điều 11.

3. Sửa đổi khoản 3 Điều 11:

“3. Viên chức, người lao động có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị chức năng và cá nhân có liên quan đến giải quyết các công việc được phân công. Những việc phát sinh, vượt quá thẩm quyền quy định hoặc cần phối hợp với các đơn vị khác phải báo cáo Trưởng phòng hoặc Lãnh đạo đơn vị (đối với các đơn vị chuyên môn, giúp việc Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam) để xem xét, giải quyết. Viên chức, người lao động phải thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Trưởng phòng, Lãnh đạo đơn vị và có quyền bảo lưu ý kiến khác (nếu có) thể hiện tại hồ sơ trình của đơn vị”.

4. Sửa đổi khoản 7 Điều 11:



“7. Viên chức, người lao động tại các đơn vị chuyên môn, giúp việc Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam chịu trách nhiệm trực tiếp trước Thủ trưởng đơn vị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao, bảo đảm tiến độ, chất lượng và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và của Bộ Tài chính, Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Tùy theo tính chất nhiệm vụ, Thủ trưởng đơn vị có thể phân công một viên chức chủ trì, các viên chức khác phối hợp, trong đó:

- Viên chức chủ trì là người đầu mối, theo dõi, đôn đốc để công việc hoàn thành đúng tiến độ và chất lượng được giao; tổ chức triển khai, tổng hợp ý kiến từ viên chức phối hợp; đưa ra quan điểm, đề xuất, kiến nghị và chịu trách nhiệm chính trước Lãnh đạo đơn vị trong phạm vi công việc được phân công giải quyết.

- Viên chức phối hợp tham gia, hỗ trợ viên chức chủ trì trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công việc cụ thể theo phân công; chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ đối với phần việc được giao phối hợp”.

5. Sửa đổi khoản 2 Điều 30:

“2. Tùy theo tính chất và đặc thù công việc, Thủ trưởng đơn vị có thể giao cấp phó ký thay một số văn bản theo quy định tại Điều 29 Quy chế này.

6. Sửa đổi Điều 44:

“Việc cử Lãnh đạo Bảo hiểm xã hội Việt Nam hoặc viên chức, người lao động tham gia các đoàn công tác của cấp trên và liên ngành ở nước ngoài; tổ chức các đoàn công tác nước ngoài của Bảo hiểm xã hội Việt Nam được thực hiện theo quy định của pháp luật, Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Bộ Tài chính và Bảo hiểm xã hội Việt Nam”.

7. Sửa đổi Điều 46:

“Các cuộc đón, tiếp và làm việc với các đoàn khách nước ngoài của Bảo hiểm xã hội Việt Nam hoặc theo yêu cầu của Bộ Tài chính thực hiện theo quy định của pháp luật, Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Bộ Tài chính và Bảo hiểm xã hội Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Lãnh đạo Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Lãnh đạo các đơn vị, viên chức, người lao động thuộc, trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

## **1.2. Nghị định 116/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ngày 02 tháng 4 năm 2026**



Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 25/2018/NĐ-CP

“Điều 14. Đăng ký hoạt động in và các trường hợp thu hồi giấy xác nhận đăng ký hoạt động in

1. Trước khi hoạt động, cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in sản phẩm in thuộc quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định này có hồ sơ đăng ký hoạt động in với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in để cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in theo quy định sau đây:

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in cho cơ sở in thuộc các bộ, cơ quan, tổ chức của trung ương và cơ sở in thuộc các tổ chức doanh nghiệp do Nhà nước là chủ sở hữu;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in cho cơ sở in không thuộc quy định tại điểm a khoản này.

2. Hồ sơ, thủ tục đăng ký hoạt động in

a) Hồ sơ đăng ký hoạt động in gồm: tờ khai đăng ký hoạt động in theo mẫu quy định; sơ yếu lý lịch của người đại diện pháp luật/người đứng đầu cơ sở in theo mẫu quy định;

b) Cơ sở in nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký hoạt động in trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng Dịch vụ công quốc gia tới cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in. Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in điện tử có giá trị pháp lý như giấy xác nhận đăng ký hoạt động in bản giấy.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có một trong các thay đổi về thông tin đã được xác nhận, cơ sở in phải gửi hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in theo mẫu quy định đến cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in đã cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in để cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2026.

2. Cá nhân, tổ chức đã nộp hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và đã được tiếp nhận để giải quyết thủ tục hành chính trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tiếp tục giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực.

3. Đối với các thủ tục đã được bãi bỏ nhưng tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm thông báo về thủ tục hành chính đã được bãi bỏ và trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.



4. Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động được cấp theo quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP hết hiệu lực kể từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực.

5. Hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam ".vn", báo cáo cung cấp dịch vụ Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam đã nộp nhưng chưa hoàn tất xử lý vào ngày có hiệu lực thi hành của Nghị định này được tiếp tục xử lý theo thời hạn quy định tại Điều 13, Điều 14 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

**1.3. Quyết định 2074/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính lĩnh vực Thương mại quốc tế, Việc làm, Đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi tiếp nhận của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 07 tháng 4 năm 2026**

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 29 quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính lĩnh vực Thương mại quốc tế, Việc làm, Đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-bo-TTHC.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao tiếp tục theo dõi, kịp thời tham mưu điều chỉnh quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính khi văn bản quy định thủ tục hành chính được ban hành mới, thay thế, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ, quy trình điện tử đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các quy trình nội bộ đã được phê duyệt trước đây đối với thủ tục hành chính nêu tại danh mục kèm theo Quyết định này.



Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**1.4. Quyết định 2307/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp ban hành ngày 17 tháng 4 năm 2026**

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục có thứ tự 1 tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1604/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**1.5. Thông tư 22/2026/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định về hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ Công Thương ban hành ngày 29 tháng 4 năm 2026**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hoạt động xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ Công Thương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị thuộc Bộ Công Thương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Kinh phí cho hoạt động xây dựng, áp dụng, phổ biến tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

1. Nguồn kinh phí cho hoạt động xây dựng, áp dụng và phổ biến tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ Công Thương bao gồm: ngân sách nhà nước về khoa học,



công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật; ngân sách nhà nước khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều chỉnh theo dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; các khoản hỗ trợ tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí cho hoạt động xây dựng dự thảo Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được bố trí từ ngân sách nhà nước giao cho nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Kinh phí cho hoạt động nghiên cứu, khảo sát, đánh giá các cơ sở khoa học và thực tiễn để phục vụ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được xem xét bố trí từ ngân sách nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung chi, dự toán và quyết toán kinh phí từ các nguồn kinh phí thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Công Thương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Công Thương (qua Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công) để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung

## II. Lĩnh vực đầu tư

### 2.1. Nghị định 119/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 242/2025/NĐ-CP ngày 10/9/2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài ban hành ngày 03 tháng 4 năm 2026

Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Cơ quan chủ quản chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài (sau đây gọi là “Cơ quan chủ quản”) là cơ quan trung ương của tổ chức chính trị và cơ quan trực thuộc; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao; cơ quan



của Quốc hội; Văn phòng Quốc hội; Kiểm toán Nhà nước; Văn phòng Chủ tịch nước; bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”); cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của các Hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương; doanh nghiệp nhà nước.

Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại của doanh nghiệp nhà nước, công ty do doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là công ty con), cơ quan chủ quản là doanh nghiệp nhà nước, công ty con.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 như sau:

“10. Dự án là tập hợp các đề xuất có liên quan đến nhau nhằm đạt được một hoặc một số mục tiêu nhất định, được thực hiện trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định và dựa trên những nguồn lực xác định.

Dự án hỗ trợ kỹ thuật là dự án có mục tiêu hỗ trợ công tác nghiên cứu chính sách, thể chế, chuyên môn, nghiệp vụ, tăng cường năng lực thông qua các hoạt động như cung cấp chuyên gia trong nước và quốc tế, đào tạo, tư liệu và tài liệu, tham quan khảo sát, hội thảo trong và ngoài nước, hỗ trợ một số trang thiết bị, xây dựng mô hình trình diễn, chuẩn bị, hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư. Dự án hỗ trợ kỹ thuật bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật độc lập, dự án hỗ trợ kỹ thuật để chuẩn bị dự án đầu tư, dự án hỗ trợ kỹ thuật để hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư.”; 1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Nghị định này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản đã thay thế, sửa đổi, bổ sung đó.

2. Việc Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quyết định công bố danh sách cấp phát, tỷ lệ cho vay lại đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong giai đoạn 2026 - 2030 quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày Nghị định này được ban hành.

3. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

## **2.2. Thông tư 35/2026/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn một số nội dung trong hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo ban hành ngày 21 tháng 4 năm 2026**

1. Thông tư này hướng dẫn một số nội dung trong hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là dự án PPP) trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, bao gồm: nội dung trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi; nội dung về phương



pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và mẫu hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (sau đây gọi là hợp đồng BOT).

2. Thông tư này không hướng dẫn nội dung trong hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên.

1. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên.

1. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên.

### **2.3. Thông tư 44/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư; chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2026**

Thông tư này quy định về:

1. Các mẫu báo cáo về hoạt động giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Điều 94 Nghị định số 19/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, trừ các dự án đầu tư ra nước ngoài.

Các dự án sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thực hiện các mẫu báo cáo theo thông tư này; những vấn đề khác biệt do đặc thù của việc sử dụng nguồn vốn này, thực hiện theo quy định của pháp luật về sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

2. Chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ để thực hiện giám sát, đánh giá chương trình, dự án đầu tư và việc quản lý vận hành trên Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư quy định tại Điều 95 Nghị định số 19/2026/NĐ-CP được



sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 99 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc lập và báo cáo về hoạt động giám sát, đánh giá đầu tư.

### **III. Lĩnh vực doanh nghiệp**

#### **3.1. Nghị định 132/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 41/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập ban hành ngày 06 tháng 4 năm 2026**

“3. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán được quy định như sau:

- a) Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm;
- b) Đối với hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm;
- c) Đối với hành vi vi phạm về kế toán quy định tại Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm hành chính để tính thời hiệu xử phạt là:

Thời điểm tổ chức, cá nhân thực hiện xong quy trình nghiệp vụ, yêu cầu công việc theo quy định của pháp luật về kế toán;

Thời điểm tổ chức, cá nhân chấm dứt hành vi vi phạm để thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về kế toán.

- d) Để xem xét hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc hay đang thực hiện, ngoài việc căn cứ điểm c trên đây, cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính căn cứ vào quy định của pháp luật về kế toán, hồ sơ, tài liệu và tình tiết của từng vụ việc cụ thể để xác định hành vi vi phạm đã kết thúc hay hành vi vi phạm đang thực hiện.”

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó

#### **3.2. Nghị định 141/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 68/2026/NĐ-CP quy định về chính sách thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và Nghị định 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức,**



## **hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ban hành ngày 29 tháng 4 năm 2026**

Sửa 1. Sửa đổi cụm từ “500 triệu đồng” thành “01 tỷ đồng” tại Điều 3, Điều 4, khoản 1 Điều 8, Điều 9, Điều 10, khoản 3 Điều 11, khoản 1 và khoản 2 Điều 12, khoản 4 Điều 17, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 8 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP như sau:

"5. Sử dụng hóa đơn điện tử

a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 01 tỷ đồng thì phải áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế.

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có nhiều địa điểm kinh doanh thì sử dụng mã số thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh cho tất cả các cửa hàng và phải ghi rõ mã địa điểm kinh doanh trên hóa đơn;

b) Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống đáp ứng điều kiện và có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế;

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

### **IV. Lĩnh vực lao động – tiền lương**

#### **4.1. Nghị định 138/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về phát triển kỹ năng nghề ban hành ngày 07 tháng 4 năm 2026**

Nghị định này quy định chi tiết một số nội dung về phát triển kỹ năng nghề tại khoản 4 Điều 22, khoản 3 Điều 23, khoản 6 Điều 24, khoản 4 Điều 25 và khoản 2 Điều 26 của Luật Việc làm số 74/2025/QH15

1. Các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia; người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật Việc làm.
2. Người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Bộ luật Lao động.
3. Cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các nội dung quy định tại Điều 1 của Nghị định này.



1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Nghị định của Chính phủ và các điều, khoản sau đây hết hiệu lực thi hành:
  - a) Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;
  - b) Điều 3 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
  - c) Khoản 14 Điều 2 Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì hướng dẫn việc tổ chức hội giảng, hội thi các cấp; tổ chức hội giảng, hội thi cấp quốc gia và tham gia hội thi kỹ năng nghề khu vực và thế giới phù hợp với đối tượng quản lý kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

## V. Lĩnh vực sở hữu trí tuệ

### 5.1. Nghị định 134/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan ban hành ngày 06 tháng 4 năm 2026

1. Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ) về quyền tác giả, quyền liên quan, bao gồm:

- a) Việc phát sinh quyền tác giả, quyền liên quan trong trường hợp có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo quy định tại khoản 5 Điều 6 của Luật Sở hữu trí tuệ;
- b) Việc sử dụng văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo quy định tại khoản 5 Điều 7 của Luật Sở hữu trí tuệ;
- c) Thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại khoản 5 Điều 11 của Luật Sở hữu trí tuệ;
- d) Chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành về quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại khoản 1 Điều 11b của Luật Sở hữu trí tuệ;



*đ) Các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả quy định tại khoản 4 Điều 14 của Luật Sở hữu trí tuệ; e) Việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học quy định tại Điều 24 của Luật Sở hữu trí tuệ;*

1. Hồ sơ các thủ tục hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan đã được nộp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ.

2. Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành tiếp tục duy trì hiệu lực với hình thức hoạt động độc lập. Trường hợp đề nghị cấp lại Thẻ giám định viên thì cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cá nhân thường trú.